

Bản án số: 20/2018/HS-PT

Ngày 19 - 01 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lượng;

Bà Lê Hồng Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 320/2017/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Trương Hữu T; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 448/2017/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Bị cáo có kháng cáo: Trương Hữu T, sinh năm 197X tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số A, Ấp B, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hữu L và bà Dương Thị H; có vợ tên Đào Thị L và có 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân như sau:

- Ngày 17/11/1990, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; đã chấp hành xong bản án.

- Ngày 26/3/1994, Trương Hữu T có hành vi gây rối trật tự công cộng. Qua xác minh tại Đội Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố B, xác định: T bị bắt tạm giam ngày 26/3/1994 đến ngày 23/6/1994 thì được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, đưa đi cưỡng bức lao động.

- Ngày 27/11/1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; đã chấp hành xong bản án.

- Ngày 13/3/2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; đã chấp hành xong bản án.

- Ngày 10/10/2005, bị Ủy ban nhân dân thành phố B ra Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc trong thời gian 24 tháng; đã chấp hành xong.

- Ngày 28/7/2005, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đã chấp hành xong bản án.

- Ngày 02/3/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đã chấp hành xong.

- Ngày 10/4/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17 tháng 02 năm 2017 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Hữu T và D (P – chưa rõ lai lịch) đều là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng tháng 12 năm 2016, D thỏa thuận với T nếu người nghiện có nhu cầu mua ma túy tổng hợp (hàng đá), Thọ điện thoại di động cho D theo số thuê bao 0947.407.060; để D cùng T hoặc tự D mang ma túy đến điểm hẹn để bán cho người nghiện, D sẽ cho T sử dụng ma túy không phải trả tiền, T đồng ý; cụ thể:

- Vào các ngày 03 và 13/02/2017, tại khu vực cầu R, thuộc ấp B, xã T, thành phố B, D và T đã bán cho cho Ngô Văn T sinh năm 198X (nơi cư trú: Tổ C, Khu phố F, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương) 02 lần, 02 gói ma túy tổng hợp, với giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/gói.

- Khoảng 23 giờ ngày 16/02/2017, Nguyễn Văn Th đưa tiền và nhờ Ngô Văn T1 mua dùm 01 gói ma túy tổng hợp, với giá 300.000 đồng về sử dụng. T1 đồng ý và gọi điện thoại cho T theo số thuê bao 01286.611.340, hỏi mua 01 gói ma túy tổng hợp, với giá 300.000 đồng, T đồng ý. Khoảng 0 giờ 20 phút ngày 17/02/2017, D điều khiển xe mô tô biển số 59T1-836.XX chở T, mang theo 01 gói ma túy tổng hợp và 01 gói he-ro-in, đến hẻm Số G, Tổ J, Ấp B, xã T, thành phố B để bán cho T1 thì bị Công an xã T phát hiện và bắt quả tang, D điều khiển xe mô tô chạy thoát. Quá trình điều tra, T khai vào các ngày 03 và 13/02/2017, T đã giúp sức cho D (P) bán cho Ngô Văn T1 02 lần, 02 gói ma túy tổng hợp với giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/gói; sau đó, T chỉ thừa nhận giúp sức cho D 01 lần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội và cho rằng, bị cáo chỉ là người sử dụng ma túy và môi giới để cho D bán ma túy, bị cáo không mua bán trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 gói ny-lon hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng dạng cục và 01 gói ny-lon bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục đã niêm phong có chữ ký của T, T1, Th và mộc dấu của Công an xã T; và 01 cân điện tử.

- Thu giữ của T: 11.000.000 đồng là tiền của bà Dương Thị H (mẹ ruột T), Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B đã trả cho bà H; 200.000 đồng là tiền của T không liên quan đến việc mua bán ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Nokia số Imel: 356866077170888, số thuê bao 01286.611.340 là tài sản của T, T sử dụng làm phương tiện liên lạc để mua bán ma túy.

- Thu giữ của T1: 300.000 đồng là tiền T1 dùng để mua ma túy tổng hợp; 01 điện thoại di động hiệu Nokia số Imel: 359356032894753, số thuê bao 0888.598.165 là tài sản của T1, T1 sử dụng làm phương tiện liên lạc để mua ma túy.

- Thu giữ của Th: 01 xe mô tô biển số 67E1-45XX, Th khai là mượn của 01 người bạn tên Th1 (không rõ lai lịch); Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B xác minh, xử lý sau.

Tại Kết luận giám định số: 41/PC54-GĐMT ngày 22/02/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai, đã kết luận:

- Tinh thể màu trắng dạng cục chứa trong mẫu M1 được niêm phong gửi đến giám định có thành phần Methamphetamine, trọng lượng là: 5,8830 gam.

- Tinh thể màu trắng dạng cục chứa trong mẫu M2 được niêm phong gửi đến giám định có thành phần Heroin, trọng lượng là: 2,2909 gam.

Đối với Ngô Văn T1 và Nguyễn Văn Th có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt hành chính.

Đối với tên D (không rõ lai lịch), có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Ngô Văn T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B tách ra, làm rõ và xử lý sau.

Đối với xe mô tô biển số 59T1-836.XX, chị Đào Thị L (vợ T) khai cho T mượn, không biết T sử dụng làm phương tiện đi bán ma túy. D điều khiển xe này chạy thoát, hiện chị L chưa nhận lại được xe mô tô trên; Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B tách ra, làm rõ và xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 448/2017/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 và Thông báo về việc sửa chữa, bổ sung bản án số: 70/TB-TA ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Trương Hữu T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điểm b, Khoản 2, Điều 194; Điểm p, Khoản 1, Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo T 07 (bảy) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 02 năm 2017.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017, bị cáo Trương Hữu T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Hữu T không thừa nhận hành vi phạm tội mà bản án sơ thẩm đã quy kết; bị cáo T đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục số 01), lời khai của bị cáo T (bút lục từ số 74 đến 76), Biên bản đối chất giữa bị cáo T với Ngô Văn T1 (bút lục số 80) và diễn biến tại phiên tòa; có đủ căn cứ để xác định hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điểm b, Khoản 2, Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về hình phạt

Bị cáo Trương Hữu T là người nghiện ma túy, nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng vẫn nhiều lần bán trái phép chất ma túy. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bản án hình sự sơ thẩm đã xem xét và đánh giá toàn bộ vụ án, nhân thân, vai trò của bị cáo trong vụ án, áp dụng tình tiết giảm nhẹ và quyết định xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù là đầu khung hình phạt; mức án này là thỏa đáng và phù hợp; do đó, kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trương Hữu T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Đối với phần trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Hữu T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng Điểm b, Khoản 2, Điều 194; Điểm p, Khoản 1, Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Trương Hữu T 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 02 năm 2017.

2. Về án phí: Bị cáo Trương Hữu T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thành phố B;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Tòa án nhân dân thành phố B (2);
- Trại Tạm giam (B5) – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành